TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 402/2023/DS-PT
Ngày 29- 11 - 2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 379/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị G, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G: Bà Huỳnh Tố T là Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh C . (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Năm 2016, bà có mua hụi do bà Trần Thị N làm chủ hụi, loại hụi 50.000đồng/chân, hụi góp hàng ngày, gồm 70 chân. Bà mua 30 chân, với tổng số tiền là 93.000.000 đồng. Sau khi mãn hụi bà N còn nợ lại bà 93.000.000 đồng. Năm 2016 bà có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết buộc bà N

trả cho bà số tiền 57.200.000 đồng, vụ việc được Tòa án hòa giải thành, bà N đã thanh toán cho bà xong số tiền này. Còn lại số tiền 35.800.000 đồng bà G, bà N thỏa thuận miệng: Bà N có tham gia góp hụi với bà H 01 chân hụi, loại hụi 1.000.000 đồng,gồm 38 chân, tính tới mãn hụi thì bà H sẽ giao cho bà Nhĩ được số tiền là 37.000.000 đồng (38.000.000 đồng – 1.000.000 đồng tương ứng với 01 chân là bà N chơi). Bà và bà N có thỏa thuận là bà N góp hụi sống cho bà H đến khi mãn hụi thì bà H sẽ giao hụi cho bà G để trừ vào số tiền bà N nợ bà G là 35.800.000 đồng, số tiền còn dư bà N nhận. Nhưng việc thỏa thuận này các bên không làm giấy tờ, chưa rỏ ràng và do bà H không đồng ý. Đến khi Công an tỉnh Cà Mau khởi tố vụ án điều tra việc bà H lừa đảo chiếm đoạt tiền hụi, bà H bị xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án.

Vì vậy, việc thỏa thuận trừ cấn hụi không thành nên nay tại đơn khởi kiện bà G yêu cầu bà N có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 35.800.000 đồng còn lại, bà không yêu cầu tính lãi. Nhưng trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà xác định chỉ yêu cầu bà N thanh toán cho bà 30.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà thừa nhận bà G có mua hụi do bà làm chủ, số tiền mua hụi là 93.000.000 đồng, và khi mãn hụi bà còn nợ bà G đúng như bà G trình bày. Đến năm 2016, bà G có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết buộc bà trả cho bà G số tiền 57.200.000 đồng, vụ việc được Tòa án hòa giải thành, bà đã thanh toán xong cho bà G số tiền này. Còn số tiền 35.800.000 đồng còn lại, bà G, bà N và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận như sau: Bà N có tham gia góp hụi với bà H 01 chân hụi 1.000.000 đồng, gồm 38 người chơi, tính tới mãn hụi thì bà H sẽ giao cho bà N được số tiền là 37.000.000 đồng (38.000.000 đồng – 1.000.000 đồng tương ứng với 01 chân là bà N chơi). Việc thỏa thuận được bà G, bà N, bà H đồng ý. Nhưng việc thỏa thuận này chỉ thỏa thuận miệng không giấy tờ gì. Bà đã đóng hụi sống cho bà H được 20 lần số tiền thực đóng là khoảng 10.000.000 đồng, sau đó bà H bỏ trốn nên bà không đóng hụi nữa. Công an tỉnh Cà Mau khởi tố vụ án điều tra, quá trình điều tra bà có yêu cầu Công an tỉnh Cà Mau tách riêng việc thỏa thuận giữa bà với bà G và bà H nói trên và ghi nhận nghĩa vụ thanh toán nợ của bà H với bà G đối với số tiền 35.800.000 đồng, còn việc tham gia góp hụi giữa bà với bà H sẽ điều tra riêng. Tuy nhiên, sau đó Công an tỉnh Cà Mau chỉ điều tra việc tham gia góp hụi giữa bà H với bà N, còn việc thỏa thuận trừ cấn hụi giữa bà với bà G và bà H sau này có giải quyết thì bà H sẽ trả cho bà G số tiền 37.000.000 đồng thông qua người nhận là bà, rồi bà sẽ giao dùm bà H lại số tiền 35.800.000 đồng, bà thống nhất với giải thích của Công an tỉnh Cà Mau nên quá trình điều tra không có tách nghĩa vụ thanh toán nợ của bà H cho bà G, mà điều tra quá trình góp hụi giữa bà H và bà.

Kết quả điều tra bà H nợ bà N tổng số tiền 73.000.000 đồng, trong đó có 20.000.000 đồng bà góp hụi cho bà H của dây hụi bà và bà G, bà H thỏa thuận nói trên. Vụ việc được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết. Quá trình giải quyết Tòa án không cho tính lãi hụi mà chỉ lấy vốn thực đóng, mọi người có liên quan đều thống nhất nên bà đồng ý theo, kết quả giải quyết Tòa tuyên buộc bà H trả cho

bà số tiền vốn thực đóng là 30.466.000 đồng, số tiền này bao gồm cả dây hụi 1.000.000 đồng bà với bà G và bà H thỏa thuận nói trên. Sau khi Tòa án tỉnh xét xử bà N không có kháng cáo. Nên nay bà cho rằng đã đối trừ xong với bà H nhưng do bản án buộc bà H trả cho bà, không buộc bà H trả cho bà G và bà H chỉ trả theo tiền vốn thực đóng. Nên bà chỉ đồng ý trả cho bà G theo vốn thực đóng 17.900.000 đồng mà bà H trả cho bà. Bà không đồng ý trả 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản ghi ý kiến ngày 02 tháng 6 năm 2023: Bà N có tham gia góp hụi do bà làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, bà N tham gia 02 chân, hụi có 38 chân, đến thời điểm bà bị khởi tố là bà N góp được 20 lần. Theo bà giữa bà G và bà N có tranh chấp nợ hụi, nhưng không có việc thỏa thuận trừ cấn hụi với bà về việc hụi của bà N khi mãn hụi bà giao cho bà G. Bà không biết bà N nợ hụi bà G là bao nhiêu và trách nhiệm trả nợ của bà N cho bà G không liên quan gì đến bà. Tại bản án hình sự sơ thẩm ngày 19/8/2022 đã tuyên buộc bà trả nợ hụi cho bà N là 30.466.000 đồng nên bà có trách nhiệm trả số tiền này cho bà N. Còn việc bà N nợ bà G thì bà N tự thực hiện, bà không có trách nhiệm thanh toán.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị G tổng số tiền nợ hụi là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng).*

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/8/2023 bị đơn là bà Trần Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ chấp nhận trả cho bà Gia số tiền 17.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Tại phần tranh luận: bà N xác định bà đồng ý trả lại cho bà G 17 lần hụi chết còn lại 20 lần hụi chết thì bà H trả cho bà G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G tranh luận: đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà G là phù hợp. kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Thị G khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N thanh toán số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng, bà N không đồng ý, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà G nên bà N kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: giao dịch mua bán hụi giữa bà G và bà N là thực tế, bà N thừa nhận về số tiền bà G mua hụi, loại hụi và có nợ 93.000.000 đòng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2016/QĐST-DS ngày 01/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết, bà N thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán cho bà G số tiền nợ hụi là 57.200.000 đồng và đã thanh toán xong. Số tiền bà N còn nợ lại bà G là 35.800.000 đồng, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm bà G xác định chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ hụi là 30.000.000 đồng. bà N không đồng ý vì cho rằng số tiền trên đã cấn trừ nợ hụi với bà H nên số tiền nợ trên thì bà H có trách nhiện trả nợ cho bà G.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2023 bà H xác định không có việc thỏa thuận trừ cấn hụi giữa bà H với bà N và bà G đối với số tiền nợ hụi 35.800.000 đồng, bà H phải thanh toán cho bà G thay bà N.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 57/2022/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện góp hụi giữa bà H với bà N đã được xem xét giải quyết, theo đó bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 30.466.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N xác định số tiền hụi mà bản án hình sự tuyên buộc bà H trả lại cho bà là số tiền hụi của các chân hụi trong đó có chân hụi 1.000.000 đồng đã cấn trừ với bà G.

[4] Như vậy số nợ bà N thừa nhận còn nợ bà G nhưng bà N không đồng ý thanh toán cho bà G mà cho rằng đây là tránh nhiệm của bà H vì các bên đã thỏa thuận cấn trự nợ hụi. Lời trình bày của bà N không có chứng cứ gì chứng minh và bà H, bà G không thừa nhận có việc thỏa thuận cấn trừ nợ hụi. Số tiền bà H nợ bà N đã được giải quyết bằng bản án hình sự và đã buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N nên việc bà N yêu cầu cấn trừ số tiền trên để bà H thanh toán cho bà G là không có căn cứ.

[5] Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G là phù hợp. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên bà N phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị G tổng số tiền nợ hụi là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bà Lê Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Trần Thị N phải chịu 1.500.000 đồng (chưa nộp). Bà Lê Thị G đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí vào ngày 05/10/2022 nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu, ngày 18/8/2023 bà N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0003831 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào